

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con  
chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BẮC KẠN**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lý Thị Thúy

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đinh Đăng Hùng

Bà Đinh Thị Oanh

*Thư ký phiên tòa:* Ông Cao Văn Thuận–Thẩm tra viên Tòa án nhân dân  
huyện B, tỉnh Bắc Kạn

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:* BàBàn Thị  
Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh  
Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2020/TLST – HNGĐ ngày  
20 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định  
đưa vụ án ra xét xử số: 01/QĐXXST-HNGĐ ngày08 tháng 3 năm 2021 giữa các  
đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Lê Thị D, sinh năm 1989

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn B, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại  
phiên tòa.

**2. Bị đơn:** Anh Ma Hoàng L, sinh năm 1984

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn B, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt  
tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên  
đơn là chị Lê Thị D trình bày: Chị và anh Ma Hoàng L đăng ký kết hôn ngày 25  
tháng 5 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Việc kết hôn  
do hai bên tự nguyện, không bị cưỡng ép, ép buộc. Sau khi kết hôn chị và anh L  
chung sống tại thôn B, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vợ chồng chị bắt đầu nảy  
sinh mâu thuẫn từ năm 2015 do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống,

anh Linh thường xuyên say rượu không tu chí làm ăn. Chị và anh L ly thân từ năm 2018 đến nay. Từ khi ly thân chị không quan tâm đến anh L nữa. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh L, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Linh có 01 con con chung là Ma Hoàng Bảo H, sinh ngày 02/3/2012, con khỏe mạnh, phát triển bình thường. Khi ly hôn tôi nhất trí giao con cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi (phù hợp với nguyện vọng của con).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tôi cũng nhất trí.

Về tài sản chung: Chị và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị và anh L không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án anh Ma Hoàng L trình bày: Anh và chị Lê Thị D đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 5 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Việc kết hôn do hai bên tự nguyện, không bị cưỡng ép, ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng anh không phát sinh mâu thuẫn và không biết lý do gì chị D xin ly hôn. Nay chị D xin ly hôn anh không nhất trí.

Về con chung: Anh và chị D có 01 con con chung là Ma Hoàng Bảo H, sinh ngày 02/3/2012, con khỏe mạnh, phát triển bình thường. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Anh và chị D không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành giao Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đối với bị đơn là anh Ma Hoàng L để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử công khai.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Chị Lê Thị D và anh Ma Hoàng L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn nên chị D khởi kiện xin ly hôn và giải quyết về nuôi con chung do đó quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 và Điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã hai lần tiến hành giao Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn là anh Ma Hoàng L để tham gia tố tụng tại Tòa án. Anh L trực tiếp ký nhận văn bản của Tòa án nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ Luật tố tụng Dân sự nên Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử công khai theo quy định.

[3]. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh L đăng ký kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2010. Đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh L thường xuyên uống rượu và say rượu, không tu chí làm ăn. Qua xác minh tại địa phương thể hiện anh Ma Hoàng L hay uống rượu, mỗi khi say rượu anh L lại chửi mắng vợ, con, gia đình và chính quyền thôn cũng đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh L không thay đổi. Thực tế anh L và chị D đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị D khẳng định không còn tình cảm gì với anh L. Như vậy có thể xác định mâu thuẫn giữa chị D và anh L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận việc xin ly hôn của chị D.

[4]. Về con chung: Chị D và anh L có 01 con con chung là Ma Hoàng Bảo H, sinh ngày 02/3/2012, con khỏe mạnh, phát triển bình thường. Khi ly hôn chị D nhất trí giao con cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi (phù hợp với nguyện vọng của con) và anh L cũng có nguyện vọng nuôi con. Do đó giao con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết

[6]. Về tài sản chung: Chị D và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó không xem xét giải quyết.

[7] Về vay nợ chung: Chị D và anh L không có vay nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[8]. Về án phí: Chị Lê Thị D thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn toàn bộ án phí do đó căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn toàn bộ án phí cho chị D.

[9]. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và những người tham gia tố tụng và không có yêu cầu, kiến nghị gì về tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D. Về con chung: Giao con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và miễn toàn bộ án phí cho chị D, về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, vay nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị D được ly hôn với anh Ma Hoàng L.

- Về con chung: Chị Lê Thị D và anh Ma Hoàng L có 01 con chung là Ma Hoàng Bảo H, sinh ngày 02/3/2012, con khỏe mạnh, phát triển bình thường. Khi ly hôn giao con chung cho anh Linh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi (phù hợp với nguyện vọng của con).

Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết

- Về tài sản chung: Chị D và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó không xem xét giải quyết.

-Về vay nợ chung: Chị D và anh L không có vay nợ chung nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Chị Lê Thị D được miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị D được hoàn lại số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 08778 ngày 20/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B. Anh L không phải chịu án phí.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành bản án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS huyện B; 2
- TAND tỉnh; 1
- THADSB; 1
- Các đương sự; 2
- UBND xã M;
- Hồ sơ vụ án; 1
- Lưu. 1

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Lý Thị Thúy**